

Số : /2026/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**THÔNG TƯ**  
**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của**  
**Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Ngân hàng**

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;*

*Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 198/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Ngân hàng.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 4 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 71; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75; khoản 4 Điều 76, khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 và khoản 3, khoản 16, điểm đ khoản 18, điểm b khoản 19, điểm a khoản 20, điểm d khoản 24, điểm b khoản 28, điểm b khoản 29 Điều 1 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2026/QH16.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Tập thể, cá nhân thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước); các tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; cơ sở đào tạo; Cơ quan thường trực các Hiệp hội và doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý; các tập thể, cá nhân ngoài ngành và hộ gia đình có đóng góp trực tiếp, thiết thực cho hoạt động của ngành Ngân hàng.

**Điều 3. Tập thể thuộc ngành Ngân hàng**

1. Đối với Ngân hàng Nhà nước

a) Tập thể lớn là: Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước;

b) Tập thể cơ sở là: Chi cục thuộc Cục;

c) Tập thể nhỏ là: Phòng (ban) và tương đương thuộc tập thể quy định tại điểm a và b khoản này.

2. Đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

a) Tập thể lớn là: Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Quỹ tín dụng nhân dân, các tổ chức tài chính vi mô (trừ công ty con của tổ chức tín dụng);

b) Tập thể cơ sở là: Phòng (ban), trung tâm tại trụ sở chính, chi nhánh, công ty con và đơn vị tương đương thuộc các tập thể quy định tại điểm a khoản này (trừ Quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tài chính vi mô);

c) Tập thể nhỏ là: Phòng (ban), phòng giao dịch trực thuộc Quỹ tín dụng nhân dân, các tổ chức tài chính vi mô; các phòng (ban), phòng giao dịch và đơn vị tương đương thuộc các tập thể quy định tại điểm b khoản này.

3. Đối với các cơ sở đào tạo

a) Tập thể lớn là: Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Tập thể cơ sở là: Phòng, khoa, bộ môn, trung tâm và phân viện đào tạo, đơn vị thuộc các tập thể quy định tại điểm a khoản này;

c) Tập thể nhỏ là: Phòng (ban), khoa, bộ môn và đơn vị tương đương thuộc các tập thể quy định tại điểm b khoản này.

4. Đối với các doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý

a) Tập thể lớn là: Nhà máy in tiền Quốc gia, Công ty cổ phần Thanh toán quốc gia Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các doanh nghiệp khác do Ngân hàng Nhà nước quản lý;

b) Tập thể cơ sở là: Phòng (ban), xưởng và đơn vị tương đương thuộc các tập thể quy định tại điểm a khoản này;

c) Tập thể nhỏ là: Tổ và đơn vị tương đương thuộc các tập thể quy định tại điểm b khoản này.

5. Đối với Cơ quan thường trực các Hiệp hội do Ngân hàng Nhà nước quản lý

a) Tập thể lớn là: Cơ quan thường trực của Hiệp hội Ngân hàng, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân, Hiệp hội cho thuê tài chính và các hiệp hội khác do Ngân hàng Nhà nước quản lý;

b) Tập thể nhỏ là: Phòng (ban) và đơn vị tương đương thuộc các tập thể quy định tại điểm a khoản này.

#### **Điều 4. Sáng kiến, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong ngành Ngân hàng**

1. Sáng kiến trong ngành Ngân hàng (sau đây gọi là sáng kiến) là các giải pháp có tính mới được tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp trước đó được áp dụng trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, mang lại lợi ích thiết thực (hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội), nâng cao năng suất, chất lượng có hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng và được cấp có thẩm quyền công nhận bao gồm:

a) Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm đạt mục đích nhất định trong công việc;

b) Giải pháp kỹ thuật là cách thức, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ xác định;

c) Giải pháp tác nghiệp là việc tham mưu, đề xuất các phương pháp thực hiện nhiệm vụ giúp chủ thể quản lý giải quyết công việc đạt hiệu quả;

d) Giải pháp ứng dụng tiên bộ, khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới là phương pháp, cách thức, biện pháp áp dụng giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn hoạt động ngân hàng.

2. Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

a) Sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả, có khả năng nhân rộng trong toàn quốc là các giải pháp có tính mới được tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp trước đó, được áp dụng trong ngành Ngân hàng mang lại lợi ích thiết thực có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc;

b) Sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả, có khả năng nhân rộng trong ngành Ngân hàng là các giải pháp có tính mới được tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp trước đó, được áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Ngân hàng;

c) Sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả, có khả năng nhân rộng ở cơ sở là các giải pháp có tính mới được tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp trước đó, được áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị.

3. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong ngành Ngân hàng để làm cơ sở xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận.

#### **Điều 5. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phát động, tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành Ngân hàng. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong phát động, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các phong trào thi đua do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phát động.

2. Thủ trưởng các đơn vị (Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Người đứng đầu của tổ chức tín dụng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, doanh nghiệp do

Ngân hàng Nhà nước quản lý; Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Tổng thư ký các Hiệp hội do Ngân hàng Nhà nước quản lý) có trách nhiệm phát động thi đua, tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và sơ kết, tổng kết phong trào thi đua thuộc đơn vị.

3. Trưởng Khối, Cụm thi đua có trách nhiệm tổ chức phát động thi đua, ký giao ước thi đua giữa các đơn vị thuộc Khối, Cụm thi đua và gửi bản ký giao ước thi đua về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tổ chức cán bộ) chậm nhất ngày 31 tháng 03; Giám sát việc triển khai thực hiện phong trào thi đua giữa các đơn vị thuộc Khối, Cụm thi đua và tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua. Các chỉ tiêu, nội dung và biện pháp tổ chức thi đua phải thông qua Khối, Cụm thi đua để thống nhất thực hiện.

4. Cấp ủy đảng và đoàn thể các cấp trong ngành Ngân hàng phối hợp chặt chẽ với Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo tổ chức, triển khai các phong trào thi đua.

5. Các cơ quan truyền thông, báo chí trong ngành Ngân hàng tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng; phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua để nêu gương hoặc giới thiệu với Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp xem xét khen thưởng; phổ biến nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng.

## **Chương II**

### **DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG NGÀNH NGÂN HÀNG**

#### **Điều 6. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các cá nhân trong ngành Ngân hàng chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của ngành Ngân hàng, địa phương, của đơn vị và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một số trường hợp cụ thể thực hiện theo quy định tại Thông tư .../2026/TT-BNV ngày ...tháng...năm ...của Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16.

3. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân thuộc một trong các trường hợp: mới tuyển dụng dưới 06 tháng hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

#### **Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”**

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các tập thể trong ngành Ngân hàng đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28

Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16.

### **Điều 8. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”**

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho các tập thể trong ngành Ngân hàng, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16.

### **Điều 9. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước”**

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước” được xét tặng hằng năm cho tập thể chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngân hàng Nhà nước, của đơn vị và địa phương, dẫn đầu phong trào thi đua của Khối, Cụm thi đua do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tổ chức và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước” được tặng cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phát động có thời gian thực hiện từ 3 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua.

### **Điều 10. “Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước”**

1. “Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân trong ngành Ngân hàng gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo ở một trong những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

d) Cá nhân có 02 lần liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

đ) Người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị.

2. “Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước” để tặng cho cá nhân có thời gian công tác trong ngành Ngân hàng từ 25 năm trở lên đối với nam và 20 năm trở lên đối với nữ, 05 năm liên tục liền kề trước thời điểm nghỉ hưu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, trong quá trình công tác không bị kỷ luật và chưa

được khen thưởng Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

3. “Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước” để truy tặng cho cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị hy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến hoạt động ngân hàng.

4. “Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước” để tặng cho tập thể trong ngành Ngân hàng gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phát động;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo ở một trong những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

d) Tập thể có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

5. “Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước” để tặng cho các tập thể, cá nhân ngoài ngành Ngân hàng gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều thành tích đóng góp trực tiếp, thiết thực cho hoạt động của ngành Ngân hàng.

6. “Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước” để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có nhiều đóng góp về công sức, vật chất, đất đai và tài sản cho ngành Ngân hàng.

### **Điều 11. Giấy khen**

1. Giấy khen được tặng cho cá nhân trong ngành Ngân hàng có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của cơ quan, đơn vị, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên, có thành tích trong phong trào thi đua do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Thủ trưởng đơn vị phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

2. Giấy khen được tặng cho tập thể trong ngành Ngân hàng gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của cơ quan, đơn vị, nội bộ đoàn kết, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên, có thành tích trong phong trào thi đua do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Thủ trưởng đơn vị phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

3. Giấy khen được tặng cho tập thể, cá nhân ngoài ngành Ngân hàng có đóng góp trực tiếp, thiết thực cho hoạt động của đơn vị.

### **Chương III** **KỶ NIỆM CHƯƠNG**

#### **Điều 12. Kỷ niệm chương**

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam” (sau đây gọi là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để ghi nhận sự cống hiến của cá nhân trong và ngoài ngành Ngân hàng có nhiều đóng góp vào quá trình phát triển của ngành Ngân hàng Việt Nam.

2. Kỷ niệm chương chỉ xét tặng một lần cho cá nhân.

#### **Điều 13. Tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương**

1. Đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành Ngân hàng

a) Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên (tính cho tổng thời gian dùng để xét tặng Kỷ niệm chương), có thời gian tham gia công tác trong ngành Ngân hàng đủ 20 năm đối với nam và đủ 15 năm đối với nữ;

b) Cá nhân đương nhiên được tặng Kỷ niệm chương gồm: Cán bộ tham gia Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam; cán bộ ngân hàng tham gia chiến trường B từ năm 1968 về trước; cán bộ ngân hàng được Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, Huân chương Độc lập các hạng, “Anh hùng Lao động” và các đồng chí là Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước;

c) Cá nhân ưu tiên xét tặng Kỷ niệm chương gồm: cán bộ công tác trong ngành Ngân hàng từ ngày 06/5/1951 đến ngày 07/5/1954 và có thời gian công tác liên tục đủ 10 năm; cán bộ ngân hàng tham gia chiến trường B, C, K thời kỳ kháng chiến chống Mỹ trước 30/4/1975 thì thời gian công tác được nhân hệ số 2 (một năm bằng 2 năm) khi xét tặng; cán bộ trước đây công tác trong ngành Ngân hàng được cử đi bộ đội, thanh niên xung phong, đi học hoặc điều động sang ngành khác sau đó tiếp tục về lại ngành Ngân hàng công tác thì thời gian đó vẫn được tính là thời gian công tác liên tục trong ngành Ngân hàng khi xét tặng.

2. Cá nhân ngoài ngành Ngân hàng (trừ cá nhân quy định tại khoản 3 Điều này) được xem xét tặng Kỷ niệm chương khi đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam;

b) Có sáng kiến hoặc công trình nghiên cứu khoa học có giá trị thiết thực cho hoạt động ngành Ngân hàng Việt Nam;

c) Có những đóng góp trực tiếp, thiết thực về vật chất cho sự phát triển của ngành Ngân hàng Việt Nam.

3. Cá nhân là người nước ngoài được xem xét tặng Kỷ niệm chương khi đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thời gian công tác trong ngành Ngân hàng Việt Nam từ 10 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

b) Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam có nhiều công lao đóng góp cho ngành Ngân hàng bao gồm: mở rộng quan hệ hợp tác tài chính với các nước và các tổ chức tài chính quốc tế; vận động các tổ chức quốc tế, các nhà tài chính đóng góp, giúp đỡ tinh thần, vật chất; đóng góp về tư vấn, đào tạo, trợ giúp kỹ thuật, công nghệ, chuyển đổi số và đóng góp khác cho ngành Ngân hàng Việt Nam trong quá trình hội nhập và hợp tác tài chính quốc tế;

c) Trường hợp đặc biệt mang tính ngoại giao do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

4. Cá nhân bị xử lý kỷ luật, thời gian thi hành kỷ luật không được tính vào thời gian để xét tặng Kỷ niệm chương. Sau khi hết thời hạn thi hành kỷ luật thì sau 01 năm mới xem xét tặng Kỷ niệm chương.

5. Không xét tặng Kỷ niệm chương đối với các trường hợp sau:

a) Cá nhân bị kỷ luật buộc thôi việc;

b) Cá nhân đang bị cơ quan pháp luật truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc có liên quan đến các vụ án hình sự mà chưa có kết luận của cơ quan pháp luật có thẩm quyền; đang trong thời gian xem xét kỷ luật và thi hành kỷ luật;

c) Cá nhân đã và đang chấp hành hình phạt tù (được hưởng án treo hoặc không được hưởng án treo), cải tạo không giam giữ.

## **Chương IV**

## **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

### **Mục 1**

### **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 14. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định tặng:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các cá nhân thuộc Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước;

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Ngân hàng”;

c) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước”;



d) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các tập thể quy định tại điểm a, khoản 1, 3, 4, 5 Điều 3 Thông tư này và tập thể phòng/Chi cục thuộc Vụ, Cục, đơn vị tương đương, đơn vị sự nghiệp thuộc Ngân hàng Nhà nước;

đ) Bằng khen cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình;

e) Kỷ niệm chương cho cá nhân.

2. Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cá nhân thuộc đơn vị quản lý.

3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ngân hàng Nhà nước quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cá nhân thuộc đơn vị quản lý và Giấy khen.

4. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực quyết định tặng:

a) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cá nhân thuộc đơn vị quản lý;

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn quản lý;

c) Giấy khen cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị quản lý; tập thể, cá nhân thuộc tổ chức tín dụng trên địa bàn; tập thể, cá nhân ngoài ngành Ngân hàng.

5. Thủ trưởng các đơn vị thuộc điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này (trừ Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô) quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho đơn vị.

6. Thủ trưởng các đơn vị quy định tại điểm a các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 3 Thông tư này (trừ Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô) quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị quản lý và Giấy khen.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tài chính vi mô quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho đơn vị; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị quản lý và Giấy khen.

8. Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Cục Công nghệ thông tin quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các tập thể nhỏ thuộc Chi cục.

**Điều 15. Thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trong ngành Ngân hàng và toàn quốc.

2. Thủ trưởng đơn vị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến ở cơ sở.

3. Thẩm quyền công nhận phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 16: Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể trong ngành Ngân hàng**

Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể trong ngành Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị.

**Mục 2**

**TRÌNH TỰ THỰC HIỆN, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

**Điều 17. Quy trình và tuyến trình khen thưởng**

1. Thủ trưởng các đơn vị trong ngành Ngân hàng có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý. Cấp nào chủ trì phát động thi đua thì cấp đó xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

2. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Ngân hàng”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: Sau khi nhận được hồ sơ của đơn vị, Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thành tích, tổng hợp, trình Hội đồng sáng kiến và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng. Căn cứ kết quả xét duyệt của các Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Phó Chủ tịch thứ Nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định. Riêng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, căn cứ kết quả xét duyệt của các Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Ban Thường vụ Đảng uỷ Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng.

3. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước” và “Cờ thi đua của Chính phủ”: Sau khi nhận được hồ sơ của đơn vị hoặc Cụm, Khối thi đua, Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thành tích và tổng hợp trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Phó Chủ tịch thứ Nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng.

4. Đối với danh hiệu Anh hùng Lao động, Huân chương các loại, các hạng, Huy chương Hữu nghị và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Sau khi nhận được hồ sơ của đơn vị, Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định

thành tích, tổng hợp, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng.

5. Đối với danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và “Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước”: Sau khi nhận được hồ sơ của đơn vị, Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thành tích, tổng hợp trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Phó Chủ tịch thứ Nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định khen thưởng. Riêng đối với xét khen thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các tập thể lớn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư này, Vụ Tổ chức cán bộ trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định khen thưởng.

6. Đối với việc khen thưởng cho cá nhân, tập thể ngoài ngành Ngân hàng: Thủ trưởng đơn vị có quan hệ công việc trực tiếp trình xin ý kiến của Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước phụ trách xử lý công việc có liên quan. Sau khi có ý kiến của Lãnh đạo phụ trách xử lý công việc có liên quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng gửi Vụ Tổ chức cán bộ. Sau khi nhận được hồ sơ của đơn vị, Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thành tích, tổng hợp trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Phó Chủ tịch thứ Nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

7. Đối với danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”: Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định khác của Nhà nước. Căn cứ xét duyệt của các Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng.

8. Đối với khen thưởng quá trình công hiến

a) Trường hợp cá nhân đã nghỉ hưu hoặc đã mất:

(i) Đối với cá nhân là Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước đã nghỉ hưu hoặc đã mất, Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng;

(ii) Đối với các trường hợp khác, Thủ trưởng đơn vị nơi quản lý cá nhân trước khi nghỉ hưu hoặc đã mất có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng. Trường hợp đơn vị công tác cuối cùng của cá nhân thuộc diện được khen thưởng đã giải thể hoặc sáp nhập thì Thủ trưởng đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của đơn vị đó có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng;

(iii) Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm thẩm định, tổng hợp, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng; căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

b) Đối với cá nhân chuẩn bị nghỉ hưu:

(i) Trường hợp cá nhân là Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước chuẩn bị nghỉ hưu, Văn phòng có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định;

(ii) Đối với các trường hợp khác, Thủ trưởng đơn vị lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các cán bộ đủ tiêu chuẩn thuộc đơn vị. Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng; căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng nhà nước có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định;

c) Vụ Tổ chức cán bộ rà soát, đối chiếu về thời gian công tác, thời gian giữ chức vụ và các hình thức kỷ luật, lý do, thời gian bị kỷ luật (nếu có) và chức vụ tương đương của người được đề nghị khen thưởng; phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết khiếu nại (nếu có) về khen thưởng cá nhân có quá trình cống hiến trong ngành Ngân hàng.

#### 9. Đối với Kỷ niệm chương

a) Đối với cá nhân đã và đang làm việc trong ngành Ngân hàng: Thủ trưởng các đơn vị nơi quản lý cá nhân (kể cả cá nhân đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác) lập hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, đúng đối tượng theo quy định gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Đối với cá nhân ngoài ngành Ngân hàng: Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ do Văn phòng đề nghị. Cá nhân thuộc các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; người nước ngoài đã, đang công tác tại Việt Nam, người Việt Nam công tác ở nước ngoài do Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có quan hệ công tác trực tiếp đề nghị. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cá nhân khác công tác tại địa phương có nhiều cống hiến cho ngành Ngân hàng do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tại các Khu vực đề nghị. Trường hợp đặc biệt Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định khen thưởng;

c) Các đối tượng tại điểm a, b khoản này, Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Phó Chủ tịch thứ Nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng cho ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

10. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, điểm a khoản 9 Điều này, trường hợp cần thiết Vụ Tổ chức cán bộ lấy ý kiến các đơn vị liên quan trước khi tổng hợp trình khen thưởng. Riêng

đối với các danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương các hạng, các loại, Huy chương Hữu nghị và các danh hiệu quy định tại khoản 7 Điều này, Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Văn phòng đăng tải danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước trước khi trình khen thưởng.

11. Hằng năm, Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với Văn phòng lập hồ sơ và đề xuất các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các đồng chí Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khen thưởng và Hội đồng sáng kiến, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng xét khen thưởng.

12. Đối với tập thể, cá nhân thuộc Quỹ tín dụng nhân dân: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực trên địa bàn khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

13. Đối với tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức tài chính vi mô: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

14. Đối với hộ gia đình: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi hộ gia đình có đóng góp về công sức, vật chất, đất đai và tài sản cho ngành Ngân hàng đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khen thưởng.

**Điều 18: Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Thủ trưởng đơn vị**

1. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đảm bảo đúng thời hạn, thành phần, nội dung theo quy định. Cá nhân, tập thể chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác trong việc báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính và tiến hành kê khai hồ sơ trực tuyến về Ngân hàng Nhà nước, trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước.

Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp thủ tục hành chính chưa được cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

c) Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng lập riêng theo từng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

d) Số lượng báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: Đối với danh hiệu Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại, các hạng, Huy chương Hữu nghị, Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú gồm 02 bản (bản chính).

đ) Biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản họp xét khen thưởng phải thể hiện kết quả và tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong biên bản họp), trong đó: Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Cờ thi đua của NHNN, Bằng khen của Thống đốc NHNN, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng, các loại phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng; Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Ngành Ngân hàng, Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

e) Đối với cá nhân đã nghỉ hưu khi trình khen thưởng gửi kèm Quyết định nghỉ hưu và xác nhận của địa phương nơi cư trú về việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; cá nhân chuẩn bị nghỉ hưu gửi kèm Thông báo nghỉ hưu.

2. Thành phần hồ sơ đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

a) Tờ trình kèm danh sách tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị (theo mẫu số 01 tại Phụ lục I);

b) Tóm tắt Báo cáo thành tích của tập thể/cá nhân đề nghị khen thưởng (theo mẫu số 11, 13 tại Phụ lục I). Báo cáo thành tích của tập thể/cá nhân đề nghị khen thưởng (theo mẫu số 08, 09 tại Phụ lục I) lưu tại đơn vị;

c) Biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoặc của Cụm/Khối thi đua;

d) Văn bản đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến kèm tóm tắt sáng kiến của cá nhân (theo mẫu số 14, 15 tại Phụ lục I) hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Ngân hàng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

3. Thành phần hồ sơ đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị.

a) Tờ trình kèm danh sách tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

b) Biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản họp xét khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu số 08, 09 tại Phụ lục I);

d) Đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến kèm tóm tắt sáng kiến của cá nhân (theo mẫu số 14, 15 tại Phụ lục I) hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

4. Kỷ niệm chương, hồ sơ gồm:

a) Đối với cá nhân trong ngành Ngân hàng

- Tờ trình kèm danh sách cá nhân đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn (theo mẫu số 02 tại Phụ lục I);

- Bảng kê khai quá trình công tác của cá nhân (theo mẫu số 03 tại Phụ lục I). Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô không gửi về Ngân hàng Nhà nước bảng kê khai quá trình công tác của cá nhân, đơn vị trình có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ theo quy định.

- Bảng tổng hợp kê khai của đơn vị (theo mẫu số 04 tại Phụ lục I).

b) Đối với cá nhân ngoài ngành Ngân hàng

- Tờ trình kèm danh sách cá nhân đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn (theo mẫu số 02 tại Phụ lục I);

- Tóm tắt thành tích công lao đóng góp đối với sự nghiệp phát triển ngân hàng Việt Nam của cá nhân có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng (theo mẫu số 05 tại Phụ lục I).

5. Khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề, khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình kèm danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị (theo mẫu số 01 tại Phụ lục I);

b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng (theo mẫu số 10 tại Phụ lục I).

### **Điều 19. Thời gian nhận hồ sơ**

1. Khen thưởng hằng năm

a) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước nhận hồ sơ trước ngày 31 tháng 03 hằng năm.

b) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước nhận hồ sơ trước ngày 30 tháng 04 hằng năm. Riêng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc nhận hồ sơ trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

c) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị: Giao Thủ trưởng đơn vị quy định.

2. Khen thưởng đột xuất: Nhận hồ sơ ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

3. Khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề: Nhận hồ sơ ngay sau khi kết thúc phong trào thi đua.

4. Khen thưởng chuyên đề: Nhận hồ sơ ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, Ngành và của đơn vị trong thời gian cụ thể.

5. Khen thưởng quá trình cống hiến: Nhận hồ sơ trước 06 tháng đối với cán bộ chuẩn bị nghỉ hưu. Đối với cá nhân đã nghỉ hưu nộp hồ sơ trước ngày 30 tháng 4 hằng năm.

6. Khen thưởng theo tiêu chuẩn tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này: Nhận hồ sơ tối đa 6 tháng trước thời điểm nghỉ hưu. Đối với cá nhân đã nghỉ hưu nộp hồ sơ trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

## **Chương V**

### **HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 20: Hồ sơ, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng**

1. Hiện vật khen thưởng được cấp đổi, cấp lại

a) Hiện vật khen thưởng được cấp đổi khi bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng, hư hỏng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng.

b) Hiện vật khen thưởng được cấp lại khi bị thất lạc, bị mất vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước gồm:

a) Công văn đề nghị cấp đổi/cấp lại của đơn vị (theo mẫu số 01 tại Phụ lục II);

b) Danh sách tập thể, cá nhân, hộ gia đình đề nghị cấp đổi, cấp lại (theo mẫu số 03 tại Phụ lục II);

c) Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể, cá nhân, hộ gia đình (mẫu số 02, Phụ lục II); Đơn đề nghị của tập thể, cá nhân, hộ gia đình lưu tại đơn vị trình khen thưởng;

d) Hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi (đối với trường hợp đề nghị cấp đổi).

3. Vụ Tổ chức cán bộ đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo và trình Phó Chủ tịch thứ Nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp đổi, cấp



lại hiện vật khen thưởng. Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với Văn phòng thực hiện việc cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng theo quy định.

4. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tiêu hủy hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi theo quy định.

5. Thủ trưởng các đơn vị quy định việc cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

**Điều 21: Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

1. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân, hộ gia đình có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16, đơn vị trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị đề nghị hủy bỏ quyết định khen thưởng (theo mẫu số 05 tại Phụ lục II);

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị;

c) Báo cáo tóm tắt của đơn vị trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng), các văn bản khác liên quan đến việc phải hủy bỏ Quyết định khen thưởng.

4. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng có ý kiến. Sau khi tổng hợp ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng, Vụ Tổ chức cán bộ trình Phó Chủ tịch thứ Nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5. Thủ trưởng các đơn vị quy định hồ sơ, thủ tục đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

**Điều 22: Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng**

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, cá nhân, tập thể, hộ

gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho đơn vị đã trình khen thưởng và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

2. Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị trình khen thưởng và chi tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đúng thời hạn và tổ chức thu hồi tiền thưởng theo quy định; tiền thưởng bị thu hồi được nộp về đơn vị chi tiền thưởng và hạch toán theo quy định.

3. Thủ trưởng các đơn vị quy định thu hồi hiện vật và tiền thưởng của các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

### **Điều 23: Hồ sơ, thủ tục điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng**

1. Hồ sơ điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách (theo mẫu số 06, 07 tại Phụ lục II);

b) Công văn/Đơn đề nghị điều chỉnh Quyết định khen thưởng của tập thể/cá nhân, hộ gia đình (theo mẫu số 08, 09 tại Phụ lục II); Công văn/Đơn đề nghị điều chỉnh của tập thể, cá nhân, hộ gia đình lưu tại đơn vị trình khen thưởng.

c) Tờ trình của cơ quan, đơn vị đã trình khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình (nếu có);

d) Bằng gốc đã in theo quyết định khen thưởng (nếu có);

đ) Quyết định khen thưởng (Quyết định có thông tin cần điều chỉnh);

2. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Phó Chủ tịch thứ Nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng có ý kiến trước khi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký Quyết định điều chỉnh khen thưởng.

3. Đối với việc đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các đơn vị do đơn vị quy định.

## **Chương VI**

### **HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP**

**Điều 24. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng sáng kiến các cấp trong ngành Ngân hàng**

1. Ngân hàng Nhà nước thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng và Hội đồng sáng kiến ngành Ngân hàng.

2. Các đơn vị thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng sáng kiến của đơn vị.

**Điều 25. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng**

1. Chủ tịch: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Phó Chủ tịch thứ Nhất: Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phụ trách công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng.

3. Phó Chủ tịch Thường trực: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

4. Các Ủy viên: Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Phó Chủ tịch Thường trực Công đoàn Ngân hàng Việt Nam, Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

5. Thư ký: Trưởng phòng, Phòng Thi đua - Khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ.

**Điều 26. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**

1. Chủ tịch: Thủ trưởng đơn vị.

2. Phó chủ tịch: Phó Thủ trưởng đơn vị.

3. Các Ủy viên: Đại diện Đảng ủy (Chi ủy) và các Ủy viên khác là cán bộ chủ chốt của đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quyết định trên nguyên tắc tổng số thành viên Hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên) không vượt quá 09 người.

4. Thư ký: Cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.

**Điều 27. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý**

1. Chủ tịch: Thủ trưởng đơn vị. Riêng đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, Chủ tịch Hội đồng là Tổng Giám đốc, đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Tổng Giám đốc (Giám đốc).

2. Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên. Tổng số thành viên Hội đồng không quá 13 người.

3. Thư ký: Trưởng phòng (ban) Thi đua - Khen thưởng hoặc cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.

**Điều 28. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Cơ quan thường trực các Hiệp hội do Ngân hàng Nhà nước quản lý**

1. Chủ tịch: Tổng Thư ký.

2. Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên. Tổng số thành viên Hội đồng không quá 09 người.

3. Thư ký: Cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.

**Điều 29. Thành phần Hội đồng sáng kiến ngành Ngân hàng**

1. Chủ tịch: Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phụ trách công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng.

2. Phó Chủ tịch Thường trực: Vụ trưởng Tổ chức cán bộ.

3. Các Ủy viên và Thư ký do Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

**Điều 30. Thành phần Hội đồng sáng kiến của đơn vị**

1. Chủ tịch: Thủ trưởng đơn vị.
2. Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên.

**Điều 31. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng sáng kiến**

1. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ quyền hạn cụ thể của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng sáng kiến ngành Ngân hàng thực hiện theo Quy chế làm việc do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.
2. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ quyền hạn cụ thể của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng sáng kiến của đơn vị thực hiện theo quy chế làm việc do đơn vị quy định.

## **Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 32. Báo cáo công tác thi đua, khen thưởng**

1. Kết thúc năm công tác, các đơn vị tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo bằng văn bản về Ngân hàng Nhà nước (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 15 tháng 02 năm sau. Đề cương báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng theo mẫu số 22 Thông tư này.
2. Khi phát động thi đua đơn vị có trách nhiệm gửi phát động thi đua và sau mỗi phong trào thi đua, các đơn vị có trách nhiệm gửi báo cáo tổng kết về Ngân hàng Nhà nước (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để theo dõi và làm căn cứ xét khen thưởng.
3. Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô gửi phát động thi đua và báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực trên địa bàn để theo dõi và tổng hợp báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Vụ Tổ chức cán bộ).

**Điều 33. Trách nhiệm của các đơn vị**

1. Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng có trách nhiệm đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định: Tỷ lệ nợ xấu tối đa để xem xét khen thưởng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cá nhân là Người quản lý, Người điều hành tổ chức tín dụng, Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
2. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ công tác xét khen thưởng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cá nhân là Người quản lý, Người điều hành tổ chức tín dụng, Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ công tác xét khen thưởng đối với Vụ, Cục, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cá nhân là Lãnh đạo Vụ, Cục, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc, Phó Giám đốc, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực; Người quản lý, Người điều hành tổ chức tín dụng; Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ công tác xét khen thưởng đối với tập thể chi nhánh tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cá nhân là Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và khen thưởng cấp Nhà nước. Riêng đối với Ngân hàng thương mại cổ phần, ngoài tập thể chi nhánh, cá nhân là Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh đề nghị cung cấp thông tin đối với tập thể Phòng giao dịch và cá nhân là Giám đốc, Phó giám đốc Phòng giao dịch trực thuộc.

5. Các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ công tác xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, cơ sở đào tạo, cơ quan thường trực các Hiệp hội và các doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý.

6. Vụ Dự báo Thống kê có trách nhiệm trong việc tham mưu cho Thống đốc NHNN công nhận phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong ngành Ngân hàng.

7. Văn phòng có trách nhiệm đăng tải thông tin công khai trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước đối với các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, các hạng, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

8. Vụ Tài chính - Kế toán có trách nhiệm phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc hướng dẫn sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng, chi tiền thưởng của Ngân hàng Nhà nước theo quy định và tổng hợp số liệu thu, chi gửi Vụ Tổ chức cán bộ định kỳ 1 năm (sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm).

9. Thủ trưởng các đơn vị tại điểm a các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 3 Thông tư này có trách nhiệm hướng dẫn các quy định về công tác thi đua, khen thưởng với quy mô, tính chất hoạt động của đơn vị.

10. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc đánh giá, kê khai, xác nhận thành tích; thủ tục, thành phần hồ sơ trình khen thưởng; các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của

Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của ngành Ngân hàng và chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng, việc trình cấp trên khen thưởng.

**Điều 34. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 và thay thế Thông tư số 25/2023/TT-NHNN ngày 31/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2025/TT-NHNN.

**Điều 35: Điều khoản chuyển tiếp**

Các hồ sơ đã gửi về Ngân hàng Nhà nước (theo dấu văn bản đến) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2023/TT-NHNN ngày 31/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2025/TT-NHNN.

**Điều 36. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý, Tổng thư ký các hiệp hội do Ngân hàng Nhà nước quản lý chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 36;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Lưu VP, PC, TCCB4 (06 bản).NTLPhuong.

**THỐNG ĐỐC**